

Số: 18 /2024/NQ-HĐND

Vinh Long, ngày 10 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế đối với người thuộc hộ mới thoát nghèo và hộ người có công với cách mạng có mức sống trung bình; hỗ trợ tiếp cận nguồn nước sinh hoạt đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ người có công với cách mạng có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh Vinh Long giai đoạn 2024 - 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VINH LONG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 150/TTr-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế đối với người thuộc hộ mới thoát nghèo và hộ người có công với cách mạng có mức sống trung bình; hỗ trợ tiếp cận nguồn nước sinh hoạt đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ người có công với cách mạng có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh Vinh Long giai đoạn 2024 - 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế đối với người thuộc hộ mới thoát nghèo và hộ người có công với cách mạng có mức sống trung bình; hỗ trợ tiếp cận nguồn nước sinh hoạt đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ người có công với cách mạng có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh Vinh Long giai đoạn 2024 - 2025.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người thuộc hộ mới thoát nghèo thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản về bảo hiểm y tế, trừ các trường hợp tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc theo quy định.

b) Người thuộc hộ người có công với cách mạng theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng có mức sống trung bình, thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản về bảo hiểm y tế, trừ các trường hợp tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc theo quy định.

c) Người thuộc hộ có mức sống trung bình, thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản về bảo hiểm y tế, trừ các trường hợp tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc theo quy định, có thành viên thuộc một trong các đối tượng sau: Người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005; quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008; cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2010; thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2011; người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011; người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Căm-pu-chi-a theo Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2013; dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015; người có thành tích tham gia kháng chiến được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Quyết định số 24/2016/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 và hộ có đối tượng quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều này có mức sống trung bình, thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản về nguồn nước sinh hoạt, trừ những hộ thuộc diện được hưởng chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt theo quy định của trung ương.

đ) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “*Hộ mới thoát nghèo*” là hộ nghèo mới thoát nghèo trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo và vượt chuẩn cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025.

2. “*Hộ có mức sống trung bình*” là hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình theo chuẩn hộ có mức sống trung bình quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025.

3. “*Hộ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản về bảo hiểm y tế*” là hộ gia đình có ít nhất một người từ đủ 6 tuổi trở lên không có bảo hiểm y tế.

4. “*Hộ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản về nguồn nước sinh hoạt*” là hộ gia đình không tiếp cận được nguồn nước sạch trong sinh hoạt, gồm: Nước máy, giếng khoan, giếng đào được bảo vệ và nước mua, nước đóng chai, bình.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ

1. Chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế

Ngoài mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế từ ngân sách trung ương theo quy định, địa phương hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế như sau:

a) Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế trong 01 (một) năm đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này không thuộc hộ có mức sống trung bình.

b) Hỗ trợ 70% mức đóng bảo hiểm y tế trong 01 (một) năm đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này thuộc hộ có mức sống trung bình.

c) Hỗ trợ 70% mức đóng bảo hiểm y tế đối với đối tượng quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

2. Chính sách hỗ trợ tiếp cận nguồn nước sinh hoạt

Hỗ trợ 01 (một) lần kinh phí mua sắm thiết bị, dụng cụ tiếp cận nguồn nước sinh hoạt đối với đối tượng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này như sau:

a) Hỗ trợ tối đa 80% kinh phí mua sắm thiết bị, dụng cụ tiếp cận nguồn nước sinh hoạt nhưng không quá 1.500.000 đồng/hộ đối với hộ có tổng kinh phí thực hiện mua sắm thiết bị, dụng cụ tiếp cận nguồn nước sinh hoạt dưới 2.000.000 đồng.

b) Hỗ trợ tối đa 80% kinh phí mua sắm thiết bị, dụng cụ tiếp cận nguồn nước sinh hoạt nhưng không quá 2.000.000 đồng/hộ đối với hộ có tổng kinh phí thực hiện mua sắm thiết bị, dụng cụ tiếp cận nguồn nước sinh hoạt từ 2.000.000 đồng trở lên.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện các chính sách từ nguồn ngân sách tỉnh và các nguồn hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

Điều 5. Cách thức thực hiện

1. Chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế: Thực hiện theo trình tự quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 30/2019/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý.

2. Chính sách hỗ trợ tiếp cận nguồn nước sinh hoạt: Việc cấp phát, thanh toán cho các đối tượng hưởng chính sách thực hiện theo quy định hiện hành và khoản 2 Điều 6 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khóa X, Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 12 năm 2024.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Vĩnh Long;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Bùi Văn Nghiêm